

Số: /YCBG-BV

Hưng Yên, ngày tháng 9 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Căn cứ Biên bản Hội đồng mua sắm, đấu thầu ngày 17/9/2026 về việc thống nhất một số nội dung liên quan đến công tác đấu thầu, mua sắm.

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói: **Dịch vụ bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt cho các tài sản thuộc cơ sở hạ tầng và máy móc, thiết bị trong Bệnh viện Đa khoa Thái Bình** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Thái Bình

Địa chỉ: Số 530, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Đ/c Nguyễn Thu Huyền, số điện thoại liên hệ: 0983.517.534.

Email liên hệ: quanlydauthau.bvdkinhthaibinh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Tiếp nhận trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (qua website <https://muasamcong.mpi.gov.vn>)

Tài liệu báo giá bao gồm: Báo giá (theo mẫu trên hệ thống), tài liệu liên quan đến dịch vụ (nếu có), hồ sơ pháp lý)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ 00 ngày 23/9/2026 đến 10 giờ 00 ngày 28/9/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28/9/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Nội dung Dịch vụ bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt cho các tài sản thuộc cơ sở hạ tầng và máy móc, thiết bị trong Bệnh viện Đa khoa Thái Bình (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình.

3. Thời gian cung cấp dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi kèm giấy tờ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Tài liệu liên quan đến dịch vụ (nếu có);... trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Bệnh viện Đa khoa Thái Bình kính mời đại diện các đơn vị cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QT, TCKT, HĐMS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Thái

STT	Tên dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bảo hiểm hoả hoạn và các rủi ro đặc biệt cho các tài sản thuộc cơ sở hạ tầng và máy móc, thiết bị trong bệnh viện	- Loại hình cơ sở: bệnh viện. - Tỷ lệ phí bảo hiểm/năm: $\leq 0.05\%$ giá trị còn lại tính đến 30/09/2026. - Mức khấu trừ: Tối đa 1% số tiền bảo hiểm. - Thời hạn bảo hiểm: 1 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận bảo hiểm. - Phạm vi bảo hiểm: Theo Điều 25, chương III Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 . - Danh mục chi tiết các tài sản thuộc cơ sở hạ tầng và thiết bị trong bệnh viện theo bảng đính kèm.	Trọn gói	01

STT	Tên khối nhà	Mã tài sản	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2026	Khoa/phòng/trung tâm
1	Nhà Hành chính	PTSN-H01-2020	Nhà Hành chính (Nhà để xe người nhà bệnh nhân)	2020	1	13.861.320.119	11.591.966.150	
2	Nhà B	H-35	Nhà A cũ + nhà B	2011	1	21.981.897.722	9.928.913.421	
		PTSN-065-2021	Khu đăng ký khám bệnh	2021	1	454.349.000	302.823.608	
		PTSN-034-2023	Máy thận nhân tạo	2023	20	7.380.000.000	4.612.500.000	Thận nhân tạo
		PTSN-035-2023						
		PTSN-036-2023						
		PTSN-037-2023						
		PTSN-038-2023						
		PTSN-039-2023						
		PTSN-040-2023						
		PTSN-041-2023						
		PTSN-042-2023						
		PTSN-043-2023						
		PTSN-044-2023						
PTSN-045-2023								

STT	Tên khối nhà	Mã tài sản	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2026	Khoa/phòng/trung tâm
		PTSN-046-2023						
		PTSN-047-2023						
		PTSN-048-2023						
		PTSN-049-2023						
		PTSN-050-2023						
		PTSN-051-2023						
		PTSN-052-2023						
		PTSN-053-2023						
		PTSN-054-2023	Hệ thống nước RO dùng chạy thận nhân tạo	2023	1	1.750.000.000	1.093.750.000	Thận nhân tạo
		PTSN-065-2024	Máy theo dõi bệnh nhân	2024	2	300.000.000	225.000.000	Trung tâm cấp cứu & Đột quỵ
		PTSN-066-2024						
3	Nhà C	H-15	Nhà C	1996	1	7.132.144.600	0	
		PTSN-055-2022	Khu khám bệnh (Sau Nhà C)	2022	1	967.111.000	709.085.784	
		PTSN-045-2022	Nhà thuốc bệnh viện	2022	1	433.715.846	318.000.458	
		NR-002-2019	Hệ thống chụp cộng hưởng từ MRI 1.5 tesla	2019	1	23.676.409.212	4.695.874.429	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		NR-001-2019	Máy chụp mạch DSA	2019	1	13.168.030.064	2.635.326.868	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-083-2022	Máy phân tích huyết học tự động	2022	1	2.926.000.000	1.536.150.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-089-2022	Máy X Quang kỹ thuật số Titan 2000 Dual Plus	2022	1	2.965.000.000	1.556.625.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-114-2022	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 32 lát cắt Somatom go.Now 168395	2022	1	7.928.000.000	4.162.200.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-004-2023	Ống nội soi dạ dày	2023	2	1.056.660.000	660.412.500	Thăm dò chức năng
		PTSN-005-2023						
		PTSN-006-2023	Ống nội soi đại tràng	2023	1	649.150.000	405.718.750	Thăm dò chức năng
		PTSN-007-2023	Ống nội soi đại tràng	2023	2	1.298.300.000	811.437.500	Thăm dò chức năng
		PTSN-008-2023						
		PTSN-027-2023	Máy siêu âm chuyên tim mạch 3 đầu dò Affiniti 70	2023	2	4.772.000.000	2.982.500.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-028-2023						
		PTSN-029-2023	Máy siêu âm Doppler màu 3	2023	1	1.435.000.000	896.875.000	Khoa Chẩn

STT	Tên khối nhà	Mã tài sản	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2026	Khoa/phòng/trung tâm
			đầu dò Affiniti 30					đoán hình ảnh
		PTSN-001-2024	Máy X Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	2024	2	5.798.000.000	4.348.500.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-002-2024						
		PTSN-017-2025	Máy chụp cắt lớp vi tính 32 lát cắt	2025	1	6.855.000.000	5.998.125.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN/NS-031-2025	Hệ thống CT Scanner 256 lát cắt/ vòng quay	2025	1	42.688.000.000	37.352.000.000	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
		PTSN-079-2024	Máy ly tâm lạnh (túi máu)	2025	1	1.235.000.000	926.250.000	Huyết học truyền máu
		PTSN-032-2025	Máy xét nghiệm phân tích khí máu	2025	1	446.000.000	390.250.000	Hóa sinh
		PTSN-034-2025	Máy xét nghiệm nước tiểu	2025	1	225.000.000	196.875.000	Hóa sinh
4	Nhà D	H-25	Nhà D	2001	1	9.067.233.800	1.632.102.084	
		PTSN-063-2021	Quầy tiện ích	2021	1	388.537.000	258.959.910	
		PTSN-064-2021	Khu hành chính Trung tâm cấp cứu ngoại viện	2021	1	447.325.000	298.142.110	
		PTSN-076-2024	Máy siêu âm sinh thiết tiền liệt tuyến	2024	1	715.000.000	536.250.000	Ngoại tiết niệu
		PTSN-011-2025	Máy tán sỏi nội soi Laser (Máy tán sỏi niệu quản ngược dòng)	2025	1	3.628.078.000	3.174.568.250	Ngoại tiết niệu
5	Nhà E	H-08	Nhà E	2011	1	17.227.858.170	9.212.430.167	
		H-32	Nhà hội trường tim mạch	2012	1	181.494.000	25.046.170	
		PTSN-111-2021	Khu phục vụ bệnh nhân (thuộc nhà E)	2021	1	698.129.000	465.302.978	
		PTSN-003-2023	Ổng nội soi dạ dày	2023	1	528.330.000	330.206.250	Nội tiêu hoá
		PTSN-069-2024	Máy theo dõi đối bệnh nhân	2024	1	150.000.000	112.500.000	Nội thận cơ xương khớp
		PTSN-080-2024	Máy siêu âm tổng quát	2024	1	1.168.000.000	876.000.000	Nội tiêu hoá
		PTSN-035-2025	Máy điện trị liệu đa năng	2025	3	435.000.000	380.625.000	Phục hồi chức năng
		PTSN-036-2025						
		PTSN-037-2025						
		PTSN.279.2025	Switch mạng Cisco C9500-24X-A	2025	2	512.589.000	410.071.200	Phòng Máy chủ, tầng 2 - CNTT
PTSN.280.2025								

STT	Tên khối nhà	Mã tài sản	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2026	Khoa/phòng/trung tâm
		PTSN.275.2025	Máy chủ Dell PowerEdge R750	2025	4	1.202.660.000	962.128.000	Phòng Máy chủ, tầng 2 - CNTT
		PTSN.276.2025						
		PTSN.277.2025						
		PTSN.278.2025						
		PTSN-071-2024	Thiết bị lưu trữ Nas RS3621RPxs Synology	2024	1	214.000.000	128.400.000	Phòng Máy chủ, tầng 2 - CNTT
		PTSN-078-2022	Máy chủ Dell PowerEdge R740XD	2022	2	1.589.000.000	317.800.000	Phòng Máy chủ, tầng 2 - CNTT
		PTSN-079-2022						
6	Nhà G	H-34	Nhà G	2006	1	6.111.573.000	2.444.629.200	
		PTSN-042-2025	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	2025	1	2.460.000.000	2.152.500.000	Nội hô hấp
7	Nhà H	H - NHATTNVKT1.	Nhà H	2016	1	177.673.954.100	155.464.709.838	
		NS-001-2019	Hệ thống khí siêu sạch áp lực dương cho khu mổ tim	2019	1	5.621.300.000	702.662.500	Gây mê hồi sức
		PTSN-060-2024	Máy theo dõi bệnh nhân	2024	5	750.000.000	562.500.000	Hồi sức tích cực chống độc
		PTSN-061-2024						
		PTSN-062-2024						
		PTSN-063-2024						
		PTSN-064-2024						
		PTSN-001-2025	Máy thở (Máy thở chức năng cao)	2025	10	5.800.000.000	5.075.000.000	Hồi sức tích cực chống độc
		PTSN-002-2025						
		PTSN-003-2025						
		PTSN-004-2025						
		PTSN-005-2025						
		PTSN-006-2025						
		PTSN-007-2025						
		PTSN-008-2025						
		PTSN-009-2025						
		PTSN-010-2025						
		PTSN-027-2025	Dây nội soi khí phế quản	2025	1	743.800.000	650.825.000	Hồi sức tích cực chống độc
		PTSN-033-2025	Máy khoan đa năng	2025	1	466.000.000	407.750.000	Gây mê hồi sức
		NS.004.2026	Hệ thống EP trong điều trị rối loạn nhịp tim	2026	1	4.995.000.000	4.995.000.000	Trung tâm tim mạch
		NS.003.2026	Máy khoan phá mảng xơ vữa trong lòng mạch	2026	1	1.469.000.000	1.469.000.000	Trung tâm tim mạch
		NS.002.2026	Máy bơm bóng đối xung động mạnh chủ	2026	1	2.680.000.000	2.680.000.000	Trung tâm tim mạch
		NS.001.2026	Hệ thống Ecmo	2026	1	3.150.000.000	3.150.000.000	Hồi sức tích cực

STT	Tên khối nhà	Mã tài sản	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2026	Khoa/phòng/trung tâm
								chống độc
8	Nhà I	H-33	Nhà I	2007	1	7.212.258.000	1.730.941.920	
		PTSN-067-2024	Máy theo dõi bệnh nhân					
		PTSN-068-2024		2024	2	300.000.000	225.000.000	Trung tâm ung bướu
		PTSN-025-2025		2025	1	205.000.000	179.375.000	Trung tâm ung bướu
9	Nhà P	PTSN.H-41	Nhà P	2018	1	6.744.623.500	4.586.343.980	
		DA257	Hệ thống máy xạ trị/Hệ thống máy giả tốc tuyến tính xạ trị ung thư	2018	1	80.450.000.000	2.011.250.000	Khoa Ung bướu
		DA258	Máy chụp cắt lớp mô phỏng trong xạ trị 32 lát	2018	1	21.455.000.000	536.375.000	Khoa Ung bướu
10	Nhà K	H-36	Nhà K	2011	1	8.992.039.000	3.596.815.600	
11	Nhà M	H-24	Nhà M	2011	1	1.810.714.100	325.928.538	
		PTSN-057-2024	Máy sấy công nghiệp >55kg					
		PTSN-058-2024		2024	2	396.000.000	297.000.000	Kiểm soát nhiễm khuẩn
		PTSN-077-2024	Máy giặt công nghiệp					
		PTSN-078-2024		2024	2	654.500.000	490.875.000	Kiểm soát nhiễm khuẩn
12	Nhà L	NS-H01-2019.	Nhà L	2019	1	36.359.124.361	23.269.839.593	
13	Nhà F	PTSN-084-2022	Nhà F	2022	1	2.642.810.000	1.937.708.292	
14	Nhà N	H-37	Nhà N	2014	1	5.322.724.000	1.080.512.970	
15	Khu nhà phòng Quản trị	PTSN-077-2022	Khu nhà phòng Quản trị (sau nhà D)	2022	1	402.276.000	294.948.762	
			Tổng cộng		114	594.403.017.594	337.775.182.780	